

Bản án số: **214/2022/KDTM-PT**  
Ngày 20/12/2022  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Sơn

**Các Thẩm phán:** Bà Lê Thúy Linh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 20/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 136/2022/TLPT-KDTM ngày 19/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2022/KDTM-ST ngày 23/06/2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 532/2022/QĐ-PT ngày 02/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 579/2022/QĐ-PT ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn: Công ty N**

Địa chỉ: phố HN, phường TH, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông PĐL – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà BTHĐ, ông VĐC. Cùng địa chỉ: NO01-LK3, Khu dịch vụ LK27-28 DN, đường LTT, phường DN, quận H, thành phố Hà Nội; bà Đ có mặt

**-Bị đơn: Công ty T**

Địa chỉ: khu đô thị mới VH, phường VH, quận L, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông NAT – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NMC, ông NTK. Cùng địa chỉ: TH, phường TV, quận N, thành phố Hà Nội; ông C và ông K có mặt

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Công ty T và Công ty N đã ký với nhau Hợp đồng kinh tế số HAD – SBC/2018/HĐKT-001 ngày 24/07/2018 về việc thiết kế, gia công chế tạo, vận chuyển và lắp đặt phần kết cấu thép của nhà xưởng K37L87m+ nhà 32L48m theo bản thiết kế chi tiết đã được Công ty T phê duyệt tại địa điểm xã BM, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Thực hiện hợp đồng, Công ty N đã tuân thủ đầy đủ các điều khoản ghi nhận trong hợp đồng, cung cấp đầy đủ hồ sơ chất lượng, biên bản nghiệm thu trước khi xuất xưởng, biên bản nghiệm thu chuyển bước, hoá đơn giá trị gia tăng cũng như các yêu cầu của Công ty T đưa ra khi hai bên tiến hành thanh quyết toán công trình, ký biên bản nghiệm thu hoàn thành – bàn giao đưa vào sử dụng công trình, biên bản thanh lý hợp đồng cho Công ty T với tổng giá trị là 2.529.676.000 đồng, nhưng phía Công ty T mới chỉ thanh toán được 1.312.027.000 đồng.

Căn cứ yêu cầu thanh toán: Tại khoản 2 Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014 quy định: “Bên giao thầu phải thanh toán đủ giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu”, tại khoản 4 Điều này cũng quy định như sau: “Đối với hợp đồng trọn gói, việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với giai đoạn thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.” và thỏa thuận về thanh toán tại khoản 4.1 Điều 4 Hợp đồng kinh tế số HAD – SBC/2018/HĐKT-001 ký giữa Công ty T và Công ty N thì việc thanh toán như sau:

“ - Bên A tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền: 787.216.200 VND (Bảy trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn, hai trăm đồng chẵn) ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng;

- Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng: tương đương 5% giá trị Hợp đồng. Bên B phải nộp cho Bên A ngay sau khi hợp đồng được hai bên ký kết.

- Sau khi bên B gia công xong phần kết cấu thép, bên B mời bên A tới nhà máy bên B nghiệm thu sản phẩm hoàn thành đồng thời bên A chuyển tiếp cho bên B 40% giá trị hợp đồng trước khi bên B vận chuyển đến công trường tương

ứng với số tiền 1.049.621.600 VND (Một tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi một ngàn, sáu trăm đồng).

- Sau khi bên B lắp dựng hoàn chỉnh công trình (tính từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao phần lắp dựng), bên A chuyển tiếp cho bên B 20% giá trị hợp đồng trước khi quyết toán khối lượng thực tế tương ứng với số tiền 524.810.800 VND (Năm trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm mười nghìn tám trăm đồng).

- Sau khi bên B quyết toán công trình, Bên A thanh toán cho bên B 10% giá trị quyết toán thực tế còn lại của hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao công trình và Bên B phải gửi cho Bên A 01 bảo lãnh ngân hàng bảo hành công trình bằng 5% giá trị quyết toán hợp đồng trong thời hạn bảo hành là 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình.”

Thực hiện hợp đồng này, Công ty N đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng cùng với việc thống nhất ký kết biên bản nghiệm thu – bàn giao đưa vào sử dụng công trình, biên bản thanh lý hợp đồng với phía Công ty T vào ngày 06/8/2020. Theo đó, bên phía Công ty T thống nhất đồng ý nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng Nhà xưởng K37L87m + nhà 32L48m theo bản thiết kế chi tiết đã được Công ty T phê duyệt tại địa điểm xã BM, huyện B, tỉnh Hải Dương. Phía Công ty T xác nhận trong biên bản thanh lý hợp đồng giá trị quyết toán là 2.529.676.000 đồng; đã thanh toán 1.312.027.000 đồng và còn phải thanh toán là 1.217.649.000 đồng đã bao gồm thuế VAT 10%. Từ năm 2018 đến nay, mặc dù không có bất kỳ thắc mắc nào liên quan đến công trình trong suốt thời gian bảo hành nhưng phía Công ty T vẫn không thực hiện thanh toán được thêm bất cứ khoản tiền nào cho Công ty N.

Công ty N đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán số tiền 1.217.649.000 đồng.

Về số tiền lãi: Theo khoản 1, 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả” và “2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.” Tại khoản 4.1 Điều 4 Hợp đồng quy định: “Sau khi bên B quyết toán công trình, bên A thanh toán cho bên B 10% giá trị quyết toán thực tế còn lại của hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao công trình.”. Ngày 06/8/2020, hai bên đã tiến hành ký Biên bản thanh lý hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành – bàn giao đưa vào sử dụng công trình. Do đó, có căn cứ xác định điều kiện thanh toán đã hoàn tất và phía Công ty T có

nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16/8/2020 nên Công ty T phải trả khoản lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày đầu tiên vi phạm nghĩa vụ là ngày 17/8/2020. Vì vậy Công ty T có trách nhiệm trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa được thanh toán cho Công ty N tương ứng với thời gian chậm trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án với mức lãi suất là 10%/năm/tổng số nợ.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng ký giữa hai bên buộc Công ty T phải trả cho Công ty N số tiền lãi tạm tính đến ngày 13/06/2022, cụ thể như sau:

Do Công ty N chưa gửi cho Công ty T bảo lãnh ngân hàng bảo hành công trình bằng 5% giá trị quyết toán hợp đồng nên Công ty N không yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền lãi chậm trả của số tiền là  $5\% \times 2.529.676.000 \text{ đồng} = 126.483.800 \text{ đồng}$  thời gian từ ngày 06/08/2020 đến ngày 06/08/2021.

Công ty N yêu cầu Công ty T phải trả số tiền lãi của số tiền gốc tạm tính từ ngày 17/08/2020 đến ngày 13/06/2022 với lãi suất 10%/năm là  $1.091.165.200 \text{ đồng} \times 10\% \times 666 \text{ ngày} / 365 = 199.100.280 \text{ đồng}$

Số tiền lãi của số tiền 126.483.800 đồng tính từ ngày 07/08/2021 đến ngày 13/06/2022 là  $126.483.800 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 311 \text{ ngày} / 365 = 10.777.113 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi là 209.877.393 đồng

Đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty N tổng số tiền là 1.427.526.393 đồng

Công ty N không đồng ý phối hợp với Công ty T để hoàn thiện hồ sơ chất lượng xây dựng công trình do Công ty N đã cung cấp đầy đủ hồ sơ chất lượng cho Công ty T. Hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp và biên bản nghiệm thu, hai bên không bên nào có ý kiến thắc mắc gì.

***Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:***

Về quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng đúng như đại diện nguyên đơn trình bày.

Ngày 06/08/2020, hai bên đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành- Bàn giao đưa vào sử dụng và Biên bản thanh lý Hợp đồng.

Lý do Công ty T chưa thanh toán là do Công ty N cung cấp còn thiếu các hồ sơ, tài liệu như:

- Biên bản lấy mẫu vật liệu
- Báo cáo kết quả: Thiếu chữ ký của đại diện Công ty T
- Công ty T không được mời tham gia quá trình lấy mẫu và làm thí nghiệm nên chưa đủ căn cứ công nhận kết quả thi công

- Công ty N chưa cung cấp được bảo lãnh ngân hàng bảo hành công trình theo quy định của hợp đồng kinh tế.

Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng, Công ty T còn phải thanh toán cho Công ty N số tiền nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số HAD – SBC/2018/HĐKT-001 ngày 24/07/2018 là 1.217.649.000 đồng.

Đối với lãi chậm trả, Công ty T không chấp nhận do Công ty N chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của hợp đồng kinh tế.

Công ty T đề nghị Công ty N hỗ trợ hoàn tất hồ sơ chất lượng của Công trình.

***Tại phiên toà sơ thẩm:***

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đến nay Công ty N yêu cầu Công ty T thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/06/2022 là 1.418.560.569 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.217.649.000 đồng; Nợ lãi là 200.911.569 đồng. Công ty N không đồng ý phối hợp với Công ty T để hoàn thiện hồ sơ chất lượng xây dựng công trình.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Công ty T xác nhận còn nợ Công ty N số tiền gốc là 1.217.649.000 đồng và xin trả dần trong thời hạn 06 tháng. Đối với số tiền lãi suất, Công ty T đề nghị Công ty N miễn toàn bộ. Công ty T đề nghị Công ty N hỗ trợ hoàn tất hồ sơ chất lượng của Công trình.

*Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2022/KDTM-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội đã xử:*

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 429 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

- Căn cứ Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 141 và Điều 144 Luật Xây dựng 2014;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ- CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty N đối với Công ty T.*

*Buộc Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty N tổng số tiền là 1.418.560.569 đồng (Một tỷ bốn trăm mười tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng), trong đó gồm: Nợ gốc là 1.217.649.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng); Nợ lãi là 200.911.569 đồng (Hai trăm triệu chín trăm mười một nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng).*

*Công ty T tiếp tục phải trả tiền lãi cho Công ty N cho đến khi thanh toán trả hết khoản nợ.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*2. Về án phí: Công ty T phải chịu 54.556.817 đồng (Năm mươi bốn triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm mười bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.*

*Hoàn trả Công ty N số tiền tạm ứng án phí là 26.393.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0064902 ngày 07/01/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận L.*

*Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.*

*Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm xác định nghĩa vụ thanh toán (tiền gốc và lãi) của bị đơn đối với nguyên đơn chưa đúng với các tình tiết, chứng cứ của vụ án.*

***Tại phiên tòa hôm nay:*** nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận về lộ trình thanh toán như sau:

*-Ngày 11/01/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng*

*-Ngày 01/3/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 339.000.000 đồng*

*-Ngày 01/4/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 339.000.000 đồng*

*-Ngày 01/5/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 339.649.000 đồng*

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Trường hợp bị đơn thanh toán đúng, đủ theo lộ trình nêu trên, nguyên đơn đồng ý miễn toàn bộ khoản lãi 200.911.569 đồng.

Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ lần thanh toán nào thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay cả gốc và lãi theo quyết định tại Bản án sơ thẩm số 16/2022/KDTM-ST ngày 23/06/2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội.

- Về án phí, bị đơn tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về cách giải quyết toàn bộ vụ án. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty T được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty N với Công ty T phát sinh từ hợp đồng xây dựng, được xác lập bởi các chủ thể đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty T có địa chỉ tại: khu đô thị mới VH, phường VH, quận L, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã hòa giải và thống nhất với nhau về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Xét sự tự thỏa thuận của các đương sự về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, nên căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí phúc thẩm: Công ty T kháng cáo, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

***Từ những nhận định trên.***

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

**QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.**Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2022/KDTM-ST ngày 23/06/2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bị đơn Công ty T thanh toán cho nguyên đơn Công ty N theo lộ trình thanh toán như sau:

-Ngày 11/01/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng

-Ngày 01/3/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 339.000.000 đồng

-Ngày 01/4/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 339.000.000 đồng

-Ngày 01/5/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 339.649.000 đồng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Trường hợp bị đơn thanh toán đúng, đủ theo lộ trình nêu trên, nguyên đơn đồng ý miễn toàn bộ khoản lãi 200.911.569 đồng.

Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ lần thanh toán nào thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay cả gốc và lãi theo quyết định tại Bản án sơ thẩm số 16/2022/KDTM-ST ngày 23/06/2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội.

## **2. Về án phí sơ thẩm:**

Công ty T phải nộp 48.529.470 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty N 26.393.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0064902 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Hà Nội.

## **3. Về án phí phúc thẩm:**

Công ty T phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0065180 ngày 08/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận L, tp Hà Nội;
- TAND quận L;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thái Sơn**